

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU - CHI NĂM 2025
(Số liệu công khai trong năm liền kề trước thời điểm báo cáo - Năm 2024)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn Ngân sách nhà nước	Nguồn học phí	Nguồn dạy thêm, học thêm	Nguồn trông giữ xe đạp học sinh	Nguồn thu tài trợ CSVC	Nguồn CSSKBĐ	Nguồn pô tô đề kiểm tra định kỳ	Tuyển sinh vào lớp 10	BHYT học sinh
A	CÁC KHOẢN THU PHÂN THEO:	9 544 016 944	7 444 744 300	413 351 444	838 876 000	56 522 000	215 680 000	22 500 000			552 343 200
	- Ngân sách nhà nước	7 444 744 300	7 444 744 300								
	- Thu từ người học	1 308 749 444		413 351 444	838 876 000	56 522 000					
	- Thu Tài trợ CSVC	215 680 000					215 680 000				
	- Thu CSSKBĐ	22 500 000						22 500 000			
	- Thu hộ, chi hộ	552 343 200									552 343 200
B	CÁC KHOẢN CHI PHÂN THEO:	9 482 666 432	7 444 744 300	377 338 900	803 435 800	48 600 000	215 680 000	40 524 232			552 343 200
I	Chi tiền lương và thu nhập	7 912 878 400	6 918 888 400	304 476 000	680 514 000	9 000 000					
	Tiền lương	3 833 307 700	3 639 531 700	193 776 000							
	Tiền công trả vị trí việc làm	108 000 000		108 000 000							
	Phụ cấp lương	2 642 313 600	1 950 099 600	2 700 000	680 514 000	9 000 000					
	Các khoản đóng góp	1 067 894 900	1 067 894 900								
	Tiền thưởng	246 703 000	246 703 000								
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	14 659 200	14 659 200								
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	1 547 138 032	503 205 900	72 862 900	122 921 800	39 600 000	215 680 000	40 524 232			552 343 200
	Thanh toán dịch vụ công cộng	49 132 800	34 325 000		14 807 800						
	Vật tư văn phòng	57 181 355	53 281 355	3 900 000							
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	9 352 978	7 953 678	1 399 300							
	Công tác phí	9 340 000	8 400 000	940 000							
	Sinh hoạt phí cán bộ đi học	16 530 000		16 530 000							
	Chi phí thuê mướn	51 124 800	51 124 800								

TT	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn Ngân sách nhà nước	Nguồn học phí	Nguồn dạy thêm, học thêm	Nguồn trông giữ xe đạp học sinh	Nguồn thu tài trợ CSVC	Nguồn CSSKBD	Nguồn pô tô đề kiểm tra định kỳ	Tuyển sinh vào lớp 10	BHYT học sinh
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	287 197 555	139 333 555	150 000	108 114 000	39 600 000					
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	98 236 472	98 236 472								
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	345 714 640	80 091 040	49 943 600			215 680 000				
	Chi khác	623 327 432	30 460 000					40 524 232			552 343 200
	Thuế thu nhập doanh nghiệp										
III	Chi hỗ trợ người học	22 650 000	22 650 000								
	Học bổng học sinh										
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	22 650 000	22 650 000								
IV	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định										
	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập										
	Chi lập Quỹ phúc lợi										
	Chi lập Quỹ khen thưởng										
	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp										

Minh Châu, ngày 20 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Trường Giang

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

TT	Khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	NĂM HỌC 2025-2026			
4	Tiền pô tô KTĐK	Đồng/học sinh/năm học	50 000	
5	Tiền BHYT học sinh	Đồng/học sinh/tháng	52 650	
II	DỰ KIẾN NĂM HỌC 2026-2027			
3	Tiền BHYT học sinh	Đồng/học sinh/tháng	52 650	
III	DỰ KIẾN NĂM HỌC 2027-2028			
3	Tiền BHYT học sinh	Đồng/học sinh/tháng	52 650	

Minh Châu, ngày 20 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Trường Giang

CÔNG KHAI CHÍNH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
Năm học 2024-2025

BIỂU 03
Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Tổng số học sinh toàn trường	Số học sinh được hưởng	Định mức	Số tháng hưởng	Thành tiền
1	Học bổng học sinh khuyết tật					
	Học kỳ 1					
	Học kỳ 2					
2	Hỗ trợ chi phí học tập		26		9	16 650 000
	Học kỳ 1	684	19	150 000	4	11 400 000
	Học kỳ 2	684	7	150 000	5	5 250 000
3	Miễn giảm học phí		71			12 840 000
	- Miễn học phí		26		9	6 660 000
	Học kỳ 1	684	19	60 000	4	4 560 000
	Học kỳ 2	684	7	60 000	5	2 100 000
	- Giảm học phí		45		9	6 180 000
	Học kỳ 1	684	19	30 000	4	2 280 000
	Học kỳ 2	684	26	30 000	5	3 900 000

Minh Châu, ngày 20 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Trường Giang

CÔNG KHAI SỐ DƯ CÁC QUỸ NĂM 2025

(Số liệu công khai trong năm liền kề trước thời điểm báo cáo - Năm 2024)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số thu trong năm	Tổng số được sử dụng trong năm	Số chi trong năm	Số dư cuối năm
	Tổng số					
	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập					
	Chi lập Quỹ phúc lợi					
	Chi lập Quỹ khen thưởng					
	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp					

Minh Châu, ngày 20 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Trường Giang